TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HĐTS ĐH HÌNH THỨC VLVH, LIÊN THÔNG, VBĐH THỨ HAI NĂM 2019

Số: 527/QĐ-HĐTS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 18 tháng 09 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận trúng tuyển đại học hình thức vừa làm vừa học, liên thông và văn bằng đại học thứ hai tháng 08 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-ĐHTV ngày 10 tháng 1 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Trà Vinh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học, liên thông và văn bằng đại học thứ hai năm 2019;

Căn cứ vào hồ sơ xét tuyển thí sinh tháng 08 năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Thư ký,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **47** thí sinh trúng tuyển (danh sách đính kèm) ở ngành sau:

STT	Ngành	Mã ngành	Trúng tuyển	Ghi chú
Liên thông từ trung cấp lên đại học hình thức vừa làm vừa học				
1	Y tế công cộng	7720701	47	

Điều 2. Ban Thư ký có trách nhiệm phối hợp các đơn vị hữu quan, lập giấy báo triệu tập thí sinh trúng tuyển và hướng dẫn thí sinh làm hồ sơ nhập học theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Hội đồng Tuyển sinh, các phòng, khoa, viện, trung tâm, các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Vụ GDĐH (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám hiệu (b/c);
- Như điều 3, Website;
- Lưu: VT, HSTS.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Võ Hoàng Khải

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG THÁNG 08 NĂM 2019

DVT.LB.Y tế Công cộng.03.Trường Đại học Trà Vinh

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVT.LB00205	Võ Thị	Bạc	00/00/91	Nữ	Huyện Hoà Bình		2NT	99.99. 00004	7720701	7.00	10.00	7.50	24.50	24.50	LT	TT
2	DVT.LB00208	Đặng Thị Quyền	Chân	09/04/94	Nữ	Huyện Vĩnh Lợi		2NT	99.99. 00007	7720701	6.20	10.00	8.00	24.20	24.20	LT	TT
3	DVT.LB00212	Lâm Phúc	Duy	26/02/92		Huyện Hoà Bình	06	2NT	99.99. 00013	7720701	5.20	8.50	8.00	21.70	21.70	LT	TT
4	DVT.LB00213	Toàn Thị Mỹ	Duyên	23/07/93	Nữ	Huyện Giá Rai	06	2	99.99. 00014	7720701	6.20	10.00	8.00	24.20	24.20	LT	TT
5	DVT.LB00214	Nguyễn Tấn	Đạt	20/03/81		Huyện Đông Hải		2NT	99.99. 00012	7720701	6.00	8.00	7.50	21.50	21.50	LT	TT
6	DVT.LB00217	Chiêm Thị Tú	Hạnh	26/01/93	Nữ	Thị xã Vĩnh Châu	01	1	99.99. 00015	7720701	5.20	10.00	7.50	22.70	22.70	LT	TT
7	DVT.LB00218	Lê Quang	Hậu	21/09/86		Huyện Hoà Bình		1	99.99. 00017	7720701	6.00	10.00	7.75	23.75	24.00	LT	TT
8	DVT.LB00219	Nguyễn Diệu	Hiền	05/12/81	Nữ	Thành phố Bạc Liêu		2	99.99. 00018	7720701	6.00	9.75	7.50	23.25	23.50	LT	TT
9	DVT.LB00220	Nguyễn Bích	Hoa	00/00/85	Nữ	Huyện Hoà Bình	06	1	99.99. 00019	7720701	5.20	10.00	8.00	23.20	23.20	LT	TT
10	DVT.LB00227	Tiêu Quỳnh	Hưng	09/11/91		Thành phố Bạc Liêu	06	2	99.99. 00024	7720701	7.20	10.00	9.75	26.95	26.95	LT	TT
11	DVT.LB00228	Mai	Ka	00/00/86	Nữ	Huyện Hồng Dân	06	2NT	99.99. 00027	7720701	6.40	10.00	9.75	26.15	26.15	LT	TT
12	DVT.LB00229	Dương Minh	Kha	00/00/80		Huyện Hồng Dân		1	99.99. 00028	7720701	7.40	9.50	8.00	24.90	24.90	LT	TT
13	DVT.LB00230	Phan Thúy	Kha	08/01/94	Nữ	Huyện Hoà Bình		2NT	99.99. 00029	7720701	7.20	9.75	9.75	26.70	26.70	LT	TT
14	DVT.LB00232	Huỳnh Hoàng	Kỳ	15/08/92		Huyện Phước Long		2NT	99.99. 00031	7720701	6.60	9.50	7.75	23.85	23.85	LT	TT
15	DVT.LB00233	Lâm Bích	Loan	15/10/90	Nữ	Huyện Hoà Bình		1	99.99. 00032	7720701	6.40	10.00	8.25	24.65	24.65	LT	TT
16	DVT.LB00234	Trần Thị	Lưỡng	00/00/83	Nữ	Huyện Hoà Bình		2NT	99.99. 00033	7720701	6.20	9.25	9.50	24.95	24.95	LT	TT
17	DVT.LB00235	Lại Thị	Ly	16/07/89	Nữ	Huyện Hoà Bình		2NT	99.99. 00034	7720701	6.60	10.00	8.00	24.60	24.60	LT	TT
18	DVT.LB00236	Danh	Màu	26/06/77		Huyện Phước Long	06	2NT	99.99. 00036	7720701	6.20	8.00	6.75	20.95	20.95	LT	TT
19	DVT.LB00239	Ngô Bích	Ngọc	24/10/83	Nữ	Thành phố Bạc Liêu		2	99.99. 00038	7720701	7.20	9.25	7.75	24.20	24.20	LT	TT
20	DVT.LB00240	Lâm Thanh	Nhàn	09/05/91	Nữ		01	2	99.99. 00039	7720701	5.00	9.50	7.50	22.00	22.00	LT	TT
21	DVT.LB00241	Lương Yến	Nhi	16/07/93	Nữ	Huyện Hồng Dân		2NT	99.99. 00040	7720701	6.40	10.00	7.75	24.15	24.15	LT	TT
22	DVT.LB00242	Lê Thị Hằng	Ni	23/02/86	Nữ	Huyện Thới Bình		1	99.99. 00041	7720701	5.00	7.50	7.75	20.25	20.50	LT	TT
23	DVT.LB00243	Phạm Ngọc	Niềm	00/00/86	Nữ	Huyện Hồng Dân		1	99.99. 00042	7720701	6.40	10.00	8.00	24.40	24.40	LT	TT
24	DVT.LB00244	Cao Hồng	Nương	25/08/81	Nữ	Huyện Hoà Bình		1	99.99. 00043	7720701	6.60	9.00	8.00	23.60	23.60	LT	TT
25	DVT.LB00245	Nguyễn Sol	Pha	10/05/89		Huyện Phú Tân		2NT	99.99. 00044	7720701	6.60	10.00	9.75	26.35	26.35	LT	TT
26	DVT.LB00246	Cao Thanh	Phong	17/04/93		Huyện Hoà Bình		1	99.99. 00045	7720701	6.20	10.00	9.75	25.95	25.95	LT	TT
27	DVT.LB00247	Thạch Chanh Sa	Qui	16/06/77		Thị xã Vĩnh Châu	01	1	99.99. 00046	7720701	6.60	9.00	9.75	25.35	25.35	LT	TT
28	DVT.LB00248	Huỳnh Thị Băng	Tâm	28/07/93	Nữ	Huyện Hoà Bình		2NT	99.99. 00047	7720701	5.80	10.00	9.50	25.30	25.30	LT	TT
29	DVT.LB00249	Lưu Trần Nhật	Thanh	19/02/92		Huyện Hoà Bình		1	99.99. 00050	7720701	7.40	9.50	9.75	26.65	26.65	LT	TT
30	DVT.LB00250	Bùi Châu	Thanh	04/11/91		Huyện Giá Rai		2	99.99. 00052	7720701	5.40	9.75	9.75	24.90	24.90	LT	TT

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG THÁNG 08 NĂM 2019

DVT.LB.Y tế Công cộng.03.Trường Đại học Trà Vinh

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
31	DVT.LB00251	Đàm Mai Ngọc	Thanh	12/04/93	Nữ	Thành phố Bạc Liêu	06	2	99.99. 00051	7720701	6.80	9.50	9.75	26.05	26.05	LT	TT
32	DVT.LB00252	Kim Nhật	Thành	06/05/86		Thành phố Cà Mau		1	99.99. 00053	7720701	6.40	8.75	10.00	25.15	25.15	LT	TT
33	DVT.LB00254	Nguyễn Minh	Thảo	20/02/79		Thành phố Bạc Liêu		2	99.99. 00055	7720701	6.40	8.00	9.25	23.65	23.65	LT	TT
34	DVT.LB00255	Lê Chí	Thẩm	12/11/93		Huyện Đầm Dơi		2NT	99.99. 00048	7720701	6.00	10.00	8.25	24.25	24.50	LT	TT
35	DVT.LB00256	Trịnh Việt	Thắng	26/07/85		Thành phố Bạc Liêu	06	2	99.99. 00049	7720701	6.40	10.00	9.75	26.15	26.15	LT	TT
36	DVT.LB00257	Trần Hữu	Thọ	02/07/90		Thành phố Bạc Liêu		2	99.99. 00056	7720701	5.60	10.00	8.00	23.60	23.60	LT	TT
37	DVT.LB00259	Lữ Kiều	Tiên	19/01/90	Nữ	Huyện Giá Rai		1	99.99. 00058	7720701	5.80	9.75	9.25	24.80	24.80	LT	TT
38	DVT.LB00260	Phạm Cẩm	Tiên	00/00/92	Nữ	Huyện Hồng Dân		2NT	99.99. 00059	7720701	6.20	8.75	9.75	24.70	24.70	LT	TT
39	DVT.LB00262	Lâm Thùy	Trang	02/10/79	Nữ	Thị xã Vĩnh Châu	01	1	99.99. 00061	7720701	5.60	8.50	8.50	22.60	22.60	LT	TT
40	DVT.LB00265	Lương Hùng	Tuấn	00/00/75		Huyện Phước Long		2NT	99.99. 00075	7720701	5.40	7.75	9.75	22.90	22.90	LT	TT
41	DVT.LB00266	Lê Thị Bích	Tuyền	25/04/81	Nữ	Huyện Vĩnh Lợi		1	99.99. 00065	7720701	5.60	10.00	9.25	24.85	24.85	LT	TT
42	DVT.LB00267	Lê Cẩm	Tú	03/07/91	Nữ	Huyện Vĩnh Lợi		2NT	99.99. 00063	7720701	5.00	10.00	7.50	22.50	22.50	LT	TT
43	DVT.LB00268	Hồng Chanh	Ty	12/12/84		Huyện Vĩnh Lợi	01	1	99.99. 00066	7720701	6.20	9.25	6.50	21.95	21.95	LT	TT
44	DVT.LB00272	Cái Hoàng	Vũ	01/05/85		Huyện Đông Hải		1	99.99. 00070	7720701	6.40	10.00	7.50	23.90	23.90	LT	TT
45	DVT.LB00273	Nguyễn Thị Kim	Y	07/07/90	Nữ	Huyện Giá Rai		2	99.99. 00071	7720701	6.00	10.00	6.50	22.50	22.50	LT	TT
46	DVT.LB00274	Lý Hải	Yến	09/09/84	Nữ	Huyện Hoà Bình		1	99.99. 00072	7720701	5.40	8.50	9.25	23.15	23.15	LT	TT
47	DVT.LB00275	Phan Hồng	Yến	27/12/85	Nữ	Huyện Giá Rai		2	99.99. 00073	7720701	6.20	8.75	8.00	22.95	22.95	LT	TT

NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Kim Khánh

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Võ Hoàng Khải